

Chuyên đề XI. Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã Yên Hồ

Người thực hiện:

Mở đầu

Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là công cụ quản lý vĩ mô quan trọng dưới dạng các văn bản, có vai trò cung cấp các thông tin, chính xác, đầy đủ, kịp thời phục vụ các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, chiến lược và chính sách phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn và dài hạn, trong phạm vi một lĩnh vực hay toàn bộ nền kinh tế, trong phạm vi một xã.

Việc xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương phải tuân theo các trình tự với 4 trình tự cơ bản như: (1. Công tác chuẩn bị, 2. Lập kế hoạch, 3. Thực hiện kế hoạch, 4. Theo dõi đánh giá).

Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm kịp thời đáp ứng yêu cầu về định hướng phát triển kinh tế địa phương trong thời gian tới một cách có khoa học, vì vậy “Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội” là nhiệm vụ cần thiết cho các xã khu vực nghiên cứu.

I. RÀ SOÁT DỮ LIỆU THỐNG KÊ KHU VỰC NGHIÊN CỨU

1. Các loại dữ liệu thống kê hiện có khu vực nghiên cứu (Hà Tĩnh)

1.1 Dữ liệu thu thập hiện có

Phần kinh tế - xã hội:

+ Báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội chung khu vực nghiên cứu năm 2012.

Phần Nông nghiệp: bao gồm trồng trọt và chăn nuôi

Trồng trọt:

+ Báo cáo tổng kết về năng suất và sản lượng lúa vụ đông xuân, hè thu năm 2012 khu vực nghiên cứu.

+ Báo cáo và bảng thống kê sản lượng và năng suất lúa trung bình chung cả năm 2012 khu vực nghiên cứu.

+ Báo cáo về diện tích lúa đông xuân và hè thu bị thiệt hại do thiên tai trên địa bàn các xã thuộc khu vực nghiên cứu (Hưng Nhân).

Chăn nuôi:

+ Báo cáo số lượng gia súc, gia cầm hiện có trên địa bàn toàn xã khu vực nghiên cứu.

Phần quy hoạch phát triển nông thôn mới và xây dựng cơ bản:

Quy hoạch phát triển nông thôn mới:

+ Các báo về quy hoạch xây dựng nông thôn mới

+ Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới theo quý và hằng năm tại các xã thuộc khu vực nghiên cứu.

+ Kế hoạch thực hiện nông thôn mới năm 2013 (Hưng Nguyên).

+ Báo cáo sơ kết về việc thực hiện Nông thôn mới trong 2 năm thực hiện trên địa bàn xã .

+ Bảng kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2012 và kế hoạch thực hiện năm 2013.

Xây dựng cơ bản

+ Biểu kế hoạch xây dựng kênh mương, và kế hoạch đăng ký xây dựng kênh mương, giao thông (Hưng Nhân).

+ Báo cáo về hiện trạng kênh mương, giao thông nội đồng khu vực các xã (Hưng Nhân).

Phần môi trường:

+ Quy chế bảo vệ môi trường ở khu vực các xã thuộc địa bàn nghiên cứu.

+ Báo cáo về hiện trạng môi trường trên địa bàn các xã (các loại rác thải, thành phần rác thải, khối lượng rác thải hằng năm, nguồn thải chính).

+ Các thông báo về hướng dẫn về VSAT và bảo vệ môi trường khu vực nghiên cứu.

Phần giáo dục và y tế sức khỏe cộng đồng

Giáo dục

- + Số lượng học sinh ở các cấp trên địa bàn các xã khu vực nghiên cứu
- + Cơ sở vật chất (số lượng trường học, phòng học) hiện có trên địa bàn

Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân

- + Số lượng các y, bác sỹ
- + Số lượng các cơ sở y tế, các giường bệnh hiện nay
- + Số lượng bệnh nhân thăm khám hàng năm ở cơ sở y tế trên địa bàn

1.2 Dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp

Dữ liệu thu thập được ở địa bàn các xã thuộc khu vực nghiên cứu bao gồm: Dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp

Thu thập dữ liệu thứ cấp hiện nay có ở các xã thuộc khu vực nghiên cứu là dữ liệu thu thập từ những nguồn số liệu có sẵn (các báo cáo về kinh tế - xã hội như thống kê mục 1.1.), những dữ liệu đã qua tổng hợp, xử lý.

Thu thập dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra khảo sát bằng mẫu phiếu điều tra và đo đạc bằng các loại máy chuyên dụng trong thời gian 20 – 30/7/2013. Thực hiện phương pháp điều tra một cách toàn bộ (Tiến hành thu thập, ghi chép dữ liệu trên tất cả các đơn vị của tổng thể khu vực nghiên cứu với quy mô và thời gian dài)

2. Các phương pháp thu thập dữ liệu ban đầu

Thu thập trực tiếp.

Phương pháp thu thập thông tin ưu tiên ở các khu vực nghiên cứu này là phỏng vấn trực tiếp: Các điều tra viên của dự án phỏng vấn trực tiếp hỏi người dân được điều tra và tự ghi chép dữ liệu vào câu hỏi và phiếu điều tra. Thời gian phỏng vấn có thể kéo dài trong vòng 1 giờ đồng hồ/phiếu. Tùy thuộc vào số lượng dữ liệu cần thu thập; và nhân

viên trực tiếp phỏng vấn có điều kiện để có thể giải thích một cách đầy đủ, cặn kẽ, đặt những câu hỏi chi tiết để khai thác thông tin và kiểm tra dữ liệu trước khi ghi chép vào phiếu điều tra.

Nội dung điều tra

Nội dung điều tra là thu thập các thông tin về ảnh hưởng của thủy tai (hạn hán, lũ lụt, xâm ngập mặn) ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn các xã thuộc khu vực nghiên cứu và một số kinh nghiệm dân gian áp dụng cho việc phòng tránh và hạn chế thiệt hại do thủy tai gây ra trên địa bàn khu vực nghiên cứu.

Xác định thời điểm, thời kỳ điều tra

Thời điểm điều tra tiến hành trong khoảng 5 năm (giai đoạn 2008-2013), Thời kỳ thực hiện điều tra vào 2 giai đoạn bao gồm cả vụ hè thu và đông xuân hằng năm. Thời hạn điều tra thực hiện trong thời gian 10 ngày và tiến hành cùng thời điểm ở cả 3 xã thuộc khu vực nghiên cứu (Yên Hồ, Hưng Nhân, Võ Ninh) trong vòng từ 20-30/7/2013

3. Bảng thực hiện điều tra kinh tế - xã hội khu vực nghiên cứu (Phụ lục 1)

II. CHUẨN VÀ ĐỒNG BỘ HÓA DỮ LIỆU THỐNG KÊ

1. Khuân dạng dữ liệu

Các dữ liệu thu thập được trong quá trình thực địa điều tra bao gồm:

Dữ liệu dạng văn bản: (các báo cáo thống kê hàng năm, phiếu điều tra)

Dữ liệu dạng số: các bản đồ (địa chính xã, quy hoạch nông thôn mới, bản đồ đất)

2. Phần mềm lưu trữ

Các bản đồ được lưu trữ ở dạng Microsation (*.dgn).

Phần mềm excel lưu trữ các bảng thống kê (dân số, nông nghiệp)

3. Chuẩn hóa dữ liệu trong quá trình thu thập và điều tra

Trong quá trình thu thập dữ liệu và điều tra có một số sai số nhất định bao gồm

Sai số trong thu thập dữ liệu: Một số khuôn dạng phần mềm chưa chuẩn (dữ liệu bản đồ số dạng Microsation, các bảng biểu thống kê lỗi font chữ, các số liệu thống kê chưa chuẩn hóa về một định dạng nhất định, các số liệu chưa rõ ràng các sai số giữ các dấu chấm và dấu phẩy).

Sai số trong quá trình điều tra thực địa do thực hiện điều tra toàn bộ khu vực nghiên cứu nên sai số thường không mang tính chất hệ thống và cũng không nghiêm trọng mà sai số thường chỉ là sai số do chủ quan thuộc về lỗi của các quy định, hướng dẫn, giải thích tài liệu điều tra, do sai sót của việc cung cấp thông tin, ghi chép, đánh mã, nhập tin,...) từ đây gọi là "sai số điều tra".

Sai số này có thể khắc phục trong và sau thời gian điều tra (gọi là sử lỗi nội nghiệp). Tuy nhiên cũng mất rất nhiều thời gian.

Tất nhiên cũng phải thấy rằng tất cả các phương pháp điều tra đều có những sai sót. Hơn nữa khi cần thiết ta có thể chủ động giảm được sai số bằng cách điều chỉnh thông qua hiểu biết của người điều tra viên về địa bàn khu vực nghiên cứu.

Dưới đây sẽ là một số sai số khi thực hiện điều tra kinh tế - xã hội khu vực nghiên cứu (Hà Tĩnh)

Sai số liên quan đến quá trình xử lý thông tin

Sai số điều tra vì sai sót trong khâu đánh mã, nhập tin trong quá trình tổng hợp, xử lý số liệu.

+ Số liệu thu về chưa được kiểm tra sơ bộ trước khi đánh mã, nhập tin. Việc kiểm tra này có thể phát hiện ra những trường hợp hiểu đúng nhưng ghi chép sai.

+ Sai sót trong đánh mã do lựa chọn mã không phù hợp với địa bàn nghiên cứu đánh mã sai (mã này lẫn với mã kia) hoặc có mã đúng nhưng lộn số (ví dụ 51 thành 15), v.v...

+ Sai sót trong khâu nhập thông tin và khâu này cũng thường xuyên xảy ra sai số.

III. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CẤP XÃ THUỘC KHU VỰC NGHIÊN CỨU THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO

Các bước xây dựng kế hoạch

Bước 1: Thu thập thông tin kinh tế - xã hội thôn

+ Đánh giá khái quát tình hình kinh tế - xã hội trong năm báo cáo và đề xuất định hướng phát triển trong năm kế hoạch theo kế hoạch.

+ Thảo luận các vấn đề trong thôn, phân tích nguyên nhân, giải pháp, dự kiến hoạt động cần thực hiện, thời gian tiến hành, trách nhiệm, nguồn lực để thực hiện và các thông tin khác, sắp xếp thứ tự ưu tiên giải quyết. Lập bảng kế hoạch đề xuất và trình bày lên giấy A0 hoặc bảng để đưa ra thảo luận tại cuộc họp thôn.

Bước 2: Thu thập thông tin từ các Ban, Ngành, Đoàn thể xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã đóng trên địa bàn:

- Các Ban, Ngành, Đoàn thể xã, đơn vị sự nghiệp, trường học, trạm y tế, Ban quản lý dự án, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị liên quan đóng trên địa bàn, có nghĩa vụ cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý của mình.

- Trưởng các Ban, Ngành, Đoàn thể xã, đơn vị sự nghiệp, trường học, trạm y tế, Ban quản lý dự án, doanh nghiệp, hợp tác xã, và các đơn vị liên quan chỉ đạo đơn vị mình cung cấp thông tin phục vụ lập kế hoạch xã.

Bước 3: Tổng hợp kế hoạch xã

Khi có đầy đủ các phiếu cung cấp thông tin từ thôn, ban ngành, đoàn thể, các đơn vị liên quan khác trên địa bàn.

1- Tổng hợp khung kế hoạch xã:

- Phân nhóm tổng hợp:

Tổ trưởng hướng dẫn chia tổ xây dựng kế hoạch xã thành 3 nhóm tổng hợp, phân công trưởng nhóm và thư ký:

+ Nhóm kinh tế: Chịu trách nhiệm về các lĩnh vực Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, thương mại dịch vụ, cơ sở hạ tầng;

+ Nhóm Chính quyền: Chịu trách nhiệm về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động chính quyền, đoàn thể, tài nguyên môi trường, an ninh, quốc phòng, ngân sách phát triển xã;

+ Nhóm Văn hoá Xã hội: Chịu trách nhiệm về các lĩnh vực liên quan đến các vấn đề văn hóa xã hội như Y tế, giáo dục, văn hoá xã hội, lao động việc làm, xóa đói giảm nghèo, thể dục thể thao;

Để tổng hợp thông tin chính xác và hợp lệ, trong quá trình thực hiện, các đại diện ban ngành, đơn vị đoàn thể, đơn vị sự nghiệp có liên quan cần giải trình cụ thể. Trình tự thực hiện như sau:

- Tổng hợp vấn đề, nguyên nhân, xác định mục tiêu và giải pháp

* Các nhóm liệt kê, phân tích, chỉnh sửa cách phát biểu các vấn đề và nguyên nhân tương ứng thuộc từng lĩnh vực, nhóm các vấn đề giống nhau.

* Căn cứ vào các vấn đề và nguyên nhân đã chỉ ra, nhóm tổng hợp xác định mục tiêu cần đạt được theo cách phát biểu ngược lại với vấn đề đã nêu. Nếu phát biểu ngược lại không khả thi thì tìm một mục tiêu tương đương khác diễn tả trạng thái khi các nguyên nhân được giải quyết.

* Nhóm công tác tiếp tục tổng hợp các giải pháp do ban ngành, thôn xóm đề xuất theo nguyên tắc đã chỉ ra ở trên.

2- Nhập kết quả tổng hợp vào máy tính:

Tổ trưởng Tổ xây dựng kế hoạch phân công cán bộ cập nhập kết quả tổng hợp vào Bộ biểu tổng hợp Excel có trong máy tính. Nếu bản sao bộ biểu này bị thất lạc thì có thể tải về từ địa chỉ <http://www.dpihatinh.gov.vn/quytrinh/bieuxa.xls>. Thứ tự cập nhập như sau:

Các hoạt động không ghi nguồn vốn hoặc có ghi là chưa rõ thì chọn nguồn vốn là “Chưa rõ nguồn vốn”.

3- Xác định nguồn tài chính cho các hoạt động đề xuất:

+ Rà soát danh mục hoạt động đề xuất, bỏ qua các hoạt động thường xuyên, nếu xét thấy hoạt động nào đáp ứng tiêu chí và có khả năng được đưa vào các chương trình mục tiêu, chương trình sự nghiệp ... và các chương trình đó có trong danh sách do huyện cung cấp thì bàn bạc và xác định nguồn vốn cho hoạt động là tên chương trình đó.

+ Thảo luận về mức dự kiến tài chính của hoạt động để đưa ra điều chỉnh cho càng sát với thực tế càng tốt. Với các hoạt động có các mục không cụ thể, không ghi rõ về thời gian, trách nhiệm ... thì xóa bỏ khỏi danh sách hoạt động đề xuất.

4- Dự thảo Kế hoạch Phát triển Kinh tế xã hội xã.

Tổ trưởng Tổ xây dựng kế hoạch cử cán bộ Văn phòng - Thống kê Dự thảo Kế hoạch KTXH cụ thể như sau:

+ Chuẩn bị phần đánh giá các vấn đề thuận lợi, khó khăn trong thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm dựa trên đánh giá thực trạng và phân tích kết quả tổng hợp các biểu thống kê hiện có.

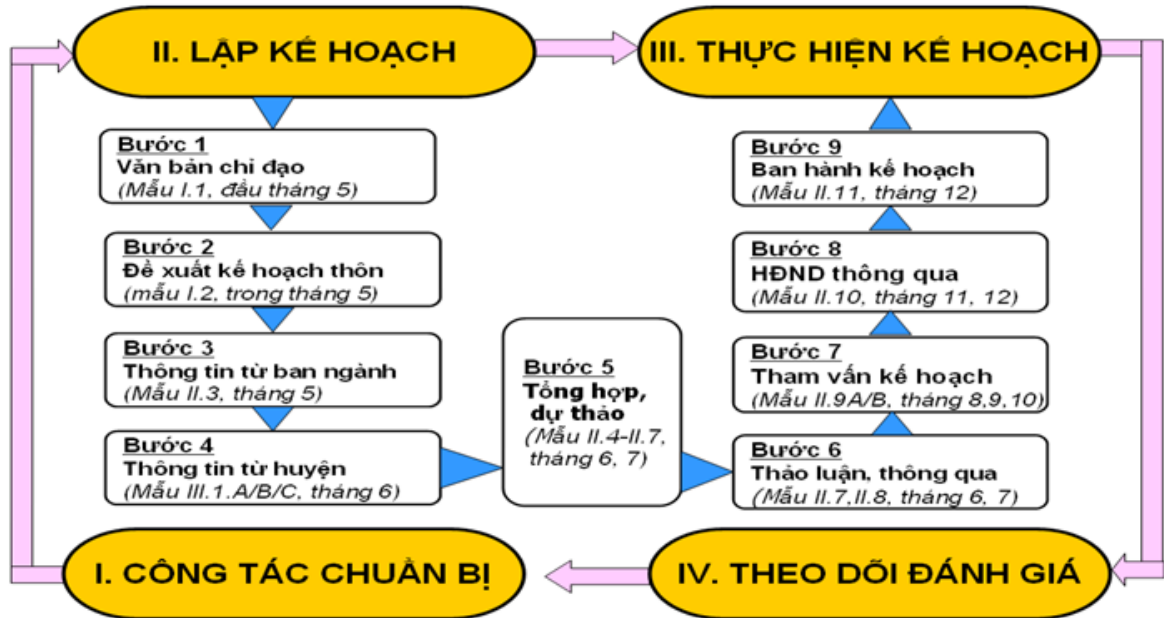
+ Viết thuyết minh về vấn đề, nguyên nhân, giải pháp dựa trên tổng hợp các nội dung liên quan.

+ Trình bày Mục tiêu phát triển của toàn xã, mục tiêu cụ thể và các giải pháp tổng thể theo lĩnh vực dựa trên cơ sở tóm tắt các mục tiêu cụ thể của từng lĩnh vực dựa vào các nghị quyết, mục tiêu phát triển có trong chiến lược phát triển KTXH hoặc kế hoạch phát triển KTXH 5 năm của xã.

+ Tổ trưởng Tổ xây dựng kế hoạch hỗ trợ chuẩn bị phần tổ chức thực hiện và phân công nhiệm vụ thực hiện kế hoạch KTXH của xã.

Quy trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã

QUY TRÌNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI



Như vậy: Quy trình lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã được thực hiện thông qua 4 quy trình: (1. Công tác chuẩn bị; 2. Lập kế hoạch; 3. Thực hiện kế hoạch; 4. Theo dõi đánh giá), với 9 bước thực hiện.

Quy trình lập kế hoạch phát triển KTXH hàng năm tại cấp xã						
	Tuần đầu tháng 5	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8, 9, 10	Tháng 11, 12
Cấp huyện			Bước 4. Văn bản chỉ đạo xây dựng kế hoạch của UBND huyện; phòng TCKH hướng dẫn và cung cấp thông tin Sản phẩm: Biểu III.1.A, B, C	Báo cáo UBND	Ý kiến cấp trên bằng văn bản	UBND chấp thuận phân bổ mức chỉ tiêu kế hoạch chính thức
Cấp xã	Bước 1. UBND xã ra văn bản yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch Sản phẩm: Văn bản chỉ đạo lập kế hoạch	Bước 3. Các ban ngành/ đoàn thể, tổ chức lập đề xuất kế hoạch Sản phẩm: Biểu II.3	Bước 5. Tổng hợp thông tin và viết dự thảo kế hoạch xã Sản phẩm: Biểu II.4.A, B, II.5.A, B, C, II.6.A, B, II.7 5.1 Tổng hợp trên giấy Sản phẩm: Biểu II.4.A, B, C 5.2 Cập nhập trên máy Sản phẩm: Biểu II.5.A, B, C, II.6.A, B 5.3 Rà soát và xác định nguồn vốn Sản phẩm: Biểu II.5.A, B, C, II.6.A, B	5.4 Dự thảo kế hoạch Sản phẩm: Biểu II.7 Bước 6. Thảo luận/ Thông qua dự thảo Sản phẩm: Biểu II.7 6.1 Hội nghị xã, thảo luận thông qua dự thảo Sản phẩm: Biểu II.7 6.2 Hoàn thiện dự thảo Sản phẩm: Biểu II.7	Cập nhật thông tin, Hoàn thiện bản kế hoạch Sản phẩm: Biểu II.7, II.6.A, B Tham vấn cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn Bước 7. Tham vấn kế hoạch Sản phẩm: Biểu II.7	HĐND xã phê duyệt kế hoạch chính thức UBND xã triển khai thực hiện kế hoạch
Thôn bản		Bước 2. Các thôn bản tổ chức lập đề xuất kế hoạch thôn Sản phẩm: Biểu I.1, 2, 3, 4			Tham vấn cộng đồng về bản kế hoạch	Thôn triển khai thực hiện kế hoạch

Khái niệm và đối tượng thống kê kinh tế - xã hội cấp xã

Khái niệm

Thống kê là hệ thống các phương pháp dùng để thu thập, xử lý và phân tích các con số (mặt lượng) của hiện tượng số lớn nhằm tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của chúng (mặt chất) trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

Thứ nhất: Thống kê là số liệu được thu thập để phản ánh các hiện tượng kinh tế - xã hội, tự nhiên, kỹ thuật. Ví dụ: Dân số của một địa phương tại một thời điểm nào đó; số trẻ em sinh ra trong năm của một tỉnh A.

Thứ hai: Thống kê là hệ thống các phương pháp được sử dụng để nghiên cứu các hiện tượng kinh tế- xã hội, tự nhiên kỹ thuật. Ví dụ: Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009, Tổng tỷ suất sinh của Việt Nam là 2,03 con/phụ nữ .

Thực ra khi hỏi thống kê là gì, có nhiều cách trả lời, ví dụ trả lời như sau có thể khó bắt bẻ “Thống kê là công việc mà các nhà thống kê làm”. Công việc của nhà thống kê gồm rất nhiều hoạt động trên một phạm vi rộng, có thể tóm tắt thành các mục lớn như sau:

Thu thập và xử lý số liệu.

Điều tra thống kê chọn mẫu.

Nghiên cứu mối liên hệ giữa các hiện tượng

Dự đoán (dự báo).

Nghiên cứu các hiện tượng trong hoàn cảnh không chắc chắn – Ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn.

Thống kê chia thành hai lĩnh vực

Thống kê mô tả: Gồm các phương pháp thu thập số liệu, mô tả và trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng đo lường.

Thống kê suy diễn: Gồm các phương pháp như ước lượng, kiểm định, phân tích mối liên hệ, dự đoán.. trên cơ sở các thông tin thu thập từ mẫu.

Trong kinh tế- xã hội, thống kê quan tâm nghiên cứu các hiện tượng:

Các hiện tượng về nguồn tài nguyên, môi trường, của cải tích lũy.

Các hiện tượng về sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng sản phẩm

Các hiện tượng về dân số, nguồn lao động

Các hiện tượng về đời sống vật chất, văn hóa của dân cư

Các hiện tượng về sinh hoạt chính trị xã hội.

Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của thống kê là mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng số lớn, trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

Xuất phát từ đối tượng nghiên cứu trên, thống kê có nhiệm vụ cụ thể sau:

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê

Thu thập thông tin

Tổng hợp thông tin

Phân tích thống kê

Dự đoán thống kê

Đề xuất ý kiến cho quyết định quản lý

Một số khái niệm thường dùng trong thống kê

Quy luật số lớn

Quy luật số lớn là phạm trù của lý thuyết xác suất, ý nghĩa của quy luật này là tổng hợp sự quan sát số lớn tới mức đầy đủ các sự kiện cá biệt ngẫu nhiên thì tính tất nhiên của hiện tượng sẽ bộc lộ.

Quy luật số lớn không giải thích bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội, hiện tượng dân số, nhưng vận dụng quy luật số lớn người ta có thể biểu hiện bản chất cụ thể của hiện tượng kinh tế - xã hội, hiện tượng dân số.

Thống kê vận dụng quy luật số lớn để lượng hóa bản chất và quy luật của hiện tượng kinh tế - xã hội thông qua tính quy luật thống kê.

Ví dụ: Tỷ số giới tính khi sinh được xác định bằng số bé trai trên 100 bé gái mới sinh ra của một thời kỳ, thường là một năm lịch (12 tháng).

Giả sử năm 2011, ta đếm số trẻ em sinh ra tại tỉnh A, như sau: Gia đình thứ nhất sinh con trai, gia đình thứ hai sinh con gái, gia đình thứ ba sinh đôi con trai,.. Nếu ta đếm trong phạm vi 300 trường hợp (tương đương số sinh 1 xã trong năm) , số bé trai là 180 cháu và số bé gái là 120 cháu, tỷ số là 150/100. Lý do, số lượng trường hợp sinh được đếm quá nhỏ nên chưa thể hiện bản chất của hiện tượng tỷ số giới tính khi sinh. Nhưng nếu ta đếm tất cả số sinh của tỉnh A, thì số bé trai là 5.300 cháu và số bé gái là 5.000 cháu, tỷ số là 106/100. Khi số lượng cá thể được đếm đủ lớn (trường hợp này là trên 10.000 cháu) nên đã thể hiện bản chất của hiện tượng tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh A.

Tính quy luật thống kê

Tính quy luật thống kê là một trong những hình thức biểu hiện mối liên hệ chung của các hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.

Tính quy luật thống kê không phải là tính quy luật của hiện tượng cá biệt mà là kết quả nghiên cứu của thống kê đối với hiện tượng số lớn, trong đó chênh lệch về số lượng ở từng đơn vị cá biệt ngẫu nhiên. Về thực chất, tính quy luật của thống kê cũng như các quy luật nói chung phản ánh những mối liên hệ nhân quả tất nhiên. Nhưng các mối liên hệ này thường không có tính chất chung rộng rãi mà phụ thuộc vào phạm vi thời gian và không gian nhất định, tồn tại trong điều kiện phát triển cụ thể của hiện tượng.

Tính quy luật thống kê không phải là tác động của một nguyên nhân mà là toàn bộ các nguyên nhân kết hợp với nhau. Đó là biểu hiện tổng hợp của mối liên hệ nhân quả, là đặc trưng của hiện tượng số lớn được tổng hợp lại qua các tổng thể thống kê. Nhìn chung càng mở rộng phạm vi nghiên cứu về thời gian và không gian thì tính quy luật trong thống kê càng thể hiện rõ.

Ví dụ: Tiếp theo ví dụ trên, Tỷ số giới tính khi sinh được xác định bằng số bé trai trên 100 bé gái mới sinh ra của một thời kỳ, thường là một năm lịch (12 tháng). *Bình thường tỷ số này dao động từ 103 đến 107 và rất ổn định qua thời gian và không gian (quy luật thống kê).*

Tổng thể thống kê

Tổng thể là khái niệm để chỉ đối tượng nghiên cứu cụ thể. Tổng thể thống kê là hiện tượng kinh tế- xã hội số lớn gồm những đơn vị (phần tử, hiện tượng) cá biệt cần được quan sát, phân tích mặt lượng của chúng. Ví dụ: Toàn bộ nhân khẩu của nước ta tại thời điểm ngày 1/4/2009 là một tổng thể thống kê, bao gồm nhiều nhân khẩu với những đặc trưng khác nhau.

Tổng thể có thể phân loại theo cách thể hiện:

- + Tổng thể bộc lộ là tổng thể gồm các đơn vị cấu thành tổng thể có thể thấy được bằng trực quan (quan sát được) ví dụ: số nhân khẩu, số trường đại học.
- + Tổng thể tiềm ẩn là tổng thể gồm các đơn vị không thể nhận biết được bằng trực quan (không quan sát được). ví dụ: số phụ nữ đang sử dụng một số biện pháp tránh thai.

Tổng thể có thể phân loại theo đặc điểm:

- + Tổng thể đồng chất là tổng thể gồm các đơn vị giống nhau về một số đặc điểm chủ yếu có liên quan đến mục đích nghiên cứu.
- + Tổng thể không đồng nhất là tổng thể gồm các đơn vị khác nhau về các đặc điểm, các loại hình.

Tổng thể cũng có thể phân loại theo tính chất

- + Tổng thể chung là tổng thể gồm tất cả đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.
- + Tổng thể bộ phận là tổng thể bao gồm chỉ những đơn vị thuộc bộ phận.

Định nghĩa tổng thể không những chỉ giới hạn về thực thể (tổng thể là gì?) mà cần phải giới hạn về thời gian và không gian (tổng thể tồn tại vào thời gian nào? ở đâu?).

Định nghĩa tổng thể làm rõ đặc trưng cơ bản chung của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn phù hợp với mục đích nghiên cứu. Thông qua việc phân tích lý luận và thực tiễn phải làm rõ tổng thể đó bao gồm đơn vị cá biệt, các hiện tượng cá biệt là đơn vị tổng thể. Tất cả các đơn vị cá thể thuộc tổng thể chỉ giống nhau một số mặt còn một số mặt khác thì khác nhau. Trong thực tế, phải nêu rõ tổng thể nghiên cứu bao gồm những đơn vị tổng thể nào.

Ví dụ: tổng thể những phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 15 đến 49 tuổi, nó không bao gồm những phụ nữ trên 50 tuổi.

Đơn vị tổng thể bao giờ cũng có đơn vị tính toán phù hợp. Xác định đơn vị tổng thể là việc cụ thể hóa tổng thể. Cho nên xác định đơn vị tổng thể cũng quan trọng như xác định tổng thể.

Tiêu thức thống kê

Nghiên cứu thống kê phải dựa vào các đặc điểm của đơn vị tổng thể. Đơn vị nghiên cứu có nhiều đặc điểm, nên tùy theo mục đích nghiên cứu mà chọn lựa một số đặc điểm. Các đặc điểm này gọi là các tiêu thức.

Ví dụ: một người trong tổng thể nhân khẩu có các tiêu thức: họ và tên, năm sinh, giới tính, trình độ văn hóa, tình trạng hôn nhân, nơi ở, nghề nghiệp...

Đơn vị tổng thể được làm rõ đặc trưng của nó qua các tiêu thức: thực thể,

thời gian và không gian.

- Tiêu thức thực thể: nêu lên bản chất của đơn vị tổng thể. Ví dụ: giới tính, năm sinh, trình độ văn hóa, nghề nghiệp. Theo nội dung, tiêu thức thực thể gồm hai loại là thuộc tính và số lượng.

+ Tiêu thức thuộc tính là tiêu thức không có biểu hiện trực tiếp bằng các con số. Ví dụ: giới tính, trình độ học vấn..

Tiêu thức thuộc tính có thể có biểu hiện trực tiếp. Ví dụ; giới tính có biểu hiện trực tiếp là nam và nữ.

Tiêu thức thuộc tính có thể biểu hiện gián tiếp. Các biểu hiện gián tiếp của tiêu thức thuộc tính còn gọi là chỉ báo thống kê. Ví dụ: tiêu thức đời sống vật chất có biểu hiện gián tiếp: lượng tiêu dùng thịt, sữa theo đầu người.

+ Tiêu thức số lượng là tiêu thức có biểu hiện trực tiếp bằng các con số (gọi là lượng biến). Tiêu thức số lượng còn gọi là tiêu thức lượng hóa. Ví dụ: năng suất lao động có biểu hiện trực tiếp là số sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian của một người công nhân ngành dệt.

+ Tiêu thức thực thể nếu chỉ có hai biểu hiện không trùng nhau trên một đơn vị tổng thể được gọi là tiêu thức thay phiên. Ví dụ: tiêu thức giới tính (nam, nữ)

Tiêu thức thực thể có ba biểu hiện trở lên có thể trở thành tiêu thức thay phiên. Ví dụ trình độ văn hóa có thể rút gọn thành hai tiêu thức: biết chữ và mù chữ. Những trường hợp này được tiến hành khi người ta chỉ quan tâm đến một biểu hiện nào đó, xuất hiện hay không xuất hiện trên đơn vị tổng thể.

Tiêu thức thời gian: Nêu hiện tượng kinh tế - xã hội xuất hiện vào thời gian nào. Những biểu hiện của tiêu thức thời gian là ngày, tháng, năm. Thời gian có giá trị của các chỉ dẫn về đối tượng nghiên cứu và đơn vị tổng thể, về sự phân phối chúng trong một thời gian cũng như thay đổi từ thời kỳ này đến thời kỳ khác được khẳng định qua tiêu thức thời gian.

Ví dụ: theo Tổng điều tra dân số và nhà ở vào 0 giờ ngày 1/4/2009, dân số nước ta là 85,8 triệu người, Nam là 42,2 triệu người, chiếm 49% dân số; Nữ là 43,6 triệu người, chiếm 51%; so với năm 1999 tăng 9,47 triệu người, tức là tăng 1,2%/năm. Như vậy, Tổng dân số nước ta và phân bố theo giới tính có giá trị tại 0 giờ ngày 1/4/2009. Dân số tăng là 9,47 triệu người với tốc độ tăng là 1,2 %/năm có giá trị trong thời kỳ 1999-2009.

Tiêu thức không gian: nêu phạm vi lãnh thổ bao trùm của đơn vị nghiên cứu và sự xuất hiện theo địa điểm của các đơn vị tổng thể.

Những biểu hiện của nó chỉ ra nhờ sự phân định về mặt quản lý hành chính hoặc theo điều kiện tự nhiên, vùng kinh tế. Nghiên cứu thống kê theo tiêu thức không gian có ý nghĩa quan trọng, trước hết là gắn với tiêu thức thực thể để quan sát phân phối về mặt lãnh thổ của các đơn vị tổng thể.

Ví dụ: người ta không chỉ quan tâm đến số lượng cơ cấu tuổi của người lao động mà còn phải chỉ ra số người lao động này ở đâu.

Các tiêu thức góp phần vào việc khẳng định đơn vị tổng thể cũng như tổng thể, vì chúng nêu rõ các mặt và tính chất nhất định của đơn vị tổng thể. Nhờ đó chúng ta phân biệt đơn vị này với đơn vị khác, tổng thể này với tổng thể kia.

Chỉ tiêu thống kê

Chỉ tiêu thống kê là tiêu chí mà biểu hiện bằng số của nó phản ánh quy mô, tốc độ phát triển, cơ cấu, quan hệ tỷ lệ của hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

Mỗi chỉ tiêu thống kê đều gắn với một đơn vị đo lường và phương pháp tính cụ thể. Chỉ tiêu thống kê có hai bộ phận: khái niệm và con số. Ví dụ: [khái niệm] Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú [không gian] tại Việt Nam [thời gian] vào thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2009 là 85.789.573 [số lượng] người [đơn vị tính].

Theo nội dung phản ánh, có chỉ tiêu khối lượng và chỉ tiêu chất lượng:

+ Chỉ tiêu khối lượng phản ánh quy mô, khối lượng của tổng thể. Ví dụ: Tổng số dân số, số nam...vv

+ Chỉ tiêu chất lượng phản ánh các đặc điểm về mặt chất, trình độ phổ biến, mối quan hệ tổng thể. Ví dụ: Số bác sĩ trên một vạn dân,...

Tuy nhiên, sự phân biệt giữa hai loại chỉ tiêu trên chỉ có ý nghĩa tương đối.

Theo hình thức biểu hiện, có chỉ tiêu hiện vật và chỉ tiêu giá trị:

+ Chỉ tiêu hiện vật biểu hiện bằng đơn vị tự nhiên. Ví dụ: số lượng máy siêu âm xách tay tính bằng cái, sản lượng lương thực tính bằng tấn,... hoặc đơn vị đo lường quy ước như: vải tính bằng mét, nước mắm tính bằng lít, v.v...

+ Chỉ tiêu giá trị biểu hiện bằng đơn vị tiền tệ Đồng Việt Nam, ngoài ra còn được tính bằng ngoại tệ như đô la Mỹ, Euro.. Ví dụ: Giá trị sản xuất công nghiệp được, doanh thu tiêu thụ sản phẩm được tính bằng Đồng Việt Nam (nghìn đồng, triệu đồng..); kim ngạch xuất, nhập khẩu được tính bằng đô la Mỹ.

Theo đặc điểm về thời gian, có chỉ tiêu thời điểm và chỉ tiêu thời kỳ:

+ Chỉ tiêu thời điểm phản ánh quy mô của hiện tượng nghiên cứu tại một thời điểm. Vì vậy, quy mô của hiện tượng nghiên cứu không phụ thuộc vào độ dài thời gian nghiên cứu.

+ Chỉ tiêu thời kỳ phản ánh quy mô của hiện tượng nghiên cứu trong một thời kỳ nhất định. Vì vậy, quy mô của hiện tượng nghiên cứu phụ thuộc vào độ dài thời gian nghiên cứu.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê là tập hợp những chỉ tiêu thống kê nhằm phản ánh bản chất của lĩnh vực nghiên cứu. Hệ thống chỉ tiêu thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Trong thống kê kinh tế - xã hội có nhiều loại hệ thống chỉ tiêu thống kê: Hệ thống chỉ tiêu thống kê của từng ngành, từng lĩnh vực và hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia hoặc chung cho nhiều lĩnh vực, ... Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia chung cho nhiều lĩnh vực là hệ thống chỉ tiêu có phạm vi rộng, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước hoặc về các mặt sản xuất vật chất, dịch vụ, đời sống văn hóa, xã hội.

Kết quả thống kê kinh tế xã hội cấp xã

Các dữ liệu thu thập được xây dựng dưới dạng bảng thống kê trong phần mềm excel như: (sản lượng, năng suất các loại cây nông nghiệp, số lượng các loại gia súc, gia cầm.....vv) là một hình thức trình bày các tài liệu thống kê một cách có hệ thống, hợp lý và rõ ràng, nhằm nêu lên các đặc trưng về mặt số lượng cũng như là chất lượng. Bảng thống kê được trình bày một cách khoa học hợp lý sẽ giúp ta dễ dàng nhận biết, so sánh, đối chiếu và phân tích để tìm ra bản chất và xu hướng phát triển của 3 xã trong giai đoạn 2008 - 2010. Đồng thời việc sử dụng các bảng thống kê nhằm tính toán dễ dàng hơn và tránh được sai sót và rút ngắn thời gian.

Nội dung các bảng thống kê

Bảng thống kê gồm hai phần: phần chủ từ và phần giải thích (phân tân từ).

Phần chủ từ: các đối tượng được thống kê (lúa, ngô, lợn, bò...)

Phần tân từ: các chỉ tiêu giải thích các đặc điểm của đối tượng (sản lượng, năng suất, số lượng.....).

Cấu trúc bảng thống kê có thể được biểu hiện như sau:

Tên bảng thống kê

Tên	Các chỉ tiêu					
(a)	(1)	(2)	(3)	...	(4)	(5)
Lúa						
Ngô						
.....						
Cộng						

Nguồn:.....

Nhận xét: Các bảng thống kê có nhiệm vụ tổng hợp các số liệu kinh tế - xã hội trên địa bàn xã tới cấp thôn. Bảng thống kê như là một bức tranh thu nhỏ về tình hình sản xuất nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ và hoạt động thủy sản trên địa bàn. Các bảng thống kê như một tài liệu cơ sở cho chính quyền địa phương có định hướng phát triển trong thời gian sắp tới.

Mẫu biểu đề xuất phát triển kinh tế - xã hội

Mẫu biểu đề xuất thống kê các chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội ở khu vực nghiên cứu thông qua việc tổng hợp các chỉ tiêu qua bảng số liệu sau:

KẾT LUẬN

Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã:

Thứ nhất: Thành lập hoặc kiện toàn các Tổ xây dựng kế hoạch cấp xã và xóm: Tiến hành trước mùa kế hoạch để xác định rõ những đối tượng cần phát triển trong thời gian tới thông qua kết quả thống kê có được qua niên giám thống kê cấp xã.

Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã là cơ sở để các cấp chính quyền sở tại khu vực nghiên cứu có định hướng phát triển các ngành nghề mang lại thu nhập cho người dân cũng như ngân sách địa phương.

Đào tạo kiến thức, kỹ năng về nghiệp vụ kế hoạch của Tổ xây dựng kế hoạch xóm, xã: cần được thường xuyên trau dồi và nâng cao qua giao lưu, trao đổi kinh nghiệm hoặc các hình thức đào tạo mới hoặc đào tạo củng cố.

Phân công cán bộ hỗ trợ: Cán bộ Tổ xây dựng kế hoạch huyện được phân công phụ trách xã/nhóm xã cụ thể để thúc đẩy công tác kế hoạch tại cấp xã.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình lý thuyết thống kê: Ứng dụng trong quản trị và kinh tế, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Thống kê (2004).

Giáo trình lý thuyết thống kê, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê (2006).

Giáo trình thống kê Y tế công cộng (phần 1 Thống kê cơ bản), Đại học Y tế công cộng, Nhà xuất bản Y học (2005).